TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bồ Quốc Khánh;

2. Ông Đoàn Văn Lước.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Ông Chu Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện U, tỉnh D; có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện U, tỉnh D; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 8 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị X trình bày:

Ngày 07/12/2018, bà T có vay của bà X số tiền 30.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2018, bà T có vay của bà X số tiền 7.500.000 đồng.

Ngày 30/12/2018, bà T có vay của bà X số tiền 6.000.000 đồng.

Ngày 02/01/2019, bà T có vay của bà X số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 08/01/2019, bà T có viết giấy hẹn đến ngày 15/01/2019 sẽ trả cho bà X số tiền 33.500.000 đồng, đây là khoản tiền vay ngày 29/12/2018, 30/12/2018, 02/01/2019 (7.500.000 đồng + 6.000.000 đồng + 20.000.000 đồng)

Một thời gian sau, bà T có viết cho bà X một giấy chốt nợ đề ngày 07/12/2018 là có vay của bà X số tiền 63.500.000 đồng (gồm khoản vay ngày 07/12/2018 với số tiền 30.000.000 đồng; ngày 29/12/2018 với số tiền 7.500.000 đồng; ngày 30/12/2018 với số tiền 6.000.000 đồng; ngày 02/01/2019 với số tiền 20.000.000 đồng) và thỏa thuận bà T sẽ trả dần cho bà X 5.000.000 đồng/tháng.

Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay, bà T không trả nợ cho bà X nên bà X khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán tiền nợ gốc 63.500.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 07/12/2018 đến ngày 07/8/2019: 63.500.000 đồng x 09 tháng x 0,83% = 4.743.450 đồng.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thùy T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia hòa giải và hai lần tham gia phiên tòa nhưng bà T vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thùy T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thùy T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà T vay của bà X 4 lần tiền, cụ thể: Ngày 07/12/2018, vay 30.000.000 đồng, ngày 29/12/2018 vay 7.500.000 đồng, ngày 30/12/2018 vay 6.000.000 đồng, ngày 02/01/2019 vay 20.000.000 đồng. Tất cả những lần vay tiền này đều không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ. Ngày 08/01/2019, bà T ghi lại giấy vay nợ xác nhận có vay của bà X 33.500.000 đồng (ngày 29/12/2018 vay 7.500.000 đồng, ngày 30/12/2018 vay 6.000.000 đồng, ngày 02/01/2019 vay 20.000.000 đồng) và hẹn đến ngày 15/01/2019 sẽ thanh toán khoản nợ này cho bà T. Sau ngày 08/01/2019, bà T tiếp tục viết giấy xác nhận có vay của bà T 63.500.000 đồng (Tổng số tiền của 4 lần vay) và đề ngày 07/12/2018. Bà X căn cứ vào giấy vay nợ này để khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền nợ 63.500.000 đồng và tiền lãi của số tiền vay 63.500.000 đồng kể từ ngày 07/12/2018.

[3] Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về vụ án. Do đó, Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt bà T.

[4] Xét thấy, bà X khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc 63.500.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Đối với yêu cầu trả tiền lãi, xét thấy, tổng số tiền gốc 63.500.000 đồng được vay 4 đợt nhưng tất cả đều không thỏa thuận lãi suất vay và thời hạn trả. Ngày 08/01/2019, bà T viết giấy xác nhận nợ có của bà X số tiền 33.500.000 đồng (ngày 29/12/2018 vay 7.500.000 đồng, ngày 30/12/2018 vay 6.000.000 đồng, ngày 02/01/2019 vay 20.000.000 đồng) và hẹn đến ngày 15/01/2019 sẽ trả cho bà X. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét thấy, ngày 15/01/2019 là đến hạn thanh toán các khoản nợ vay theo nội dung giấy xác nhận nợ ngày 08/01/2019 nhưng bà T không thực hiện, do đó, bà T phải trả tiền lãi cho bà X tính từ ngày 15/01/2019 đến ngày 15/11/2019 (Ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm) là 33.500.000 đồng x 10%/12 tháng x 10 tháng = 2.780.500 đồng. Đối với số tiền vay ngày 07/12/2018 là 30.000.000 đồng sẽ được tính tiền lãi kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 14/8/2015) đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án (ngày 15/11/2019) là 30.000.000 đồng x 10%/12 tháng x 3 tháng = 747.000 đồng. Tổng số tiền lãi mà bà T phải trả cho bà X là 3.527.500 đồng.

[5] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà X về việc buộc bà T trả số tiền lãi 3.527.500 đồng. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà X đối với số tiền lãi 1.215.950 đồng.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà X. Xét thấy, chỉ có cơ sở chấp nhận một phần lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà X số tiền vay 63.500.000 đồng và tiền lãi là 3.527.500 đồng, không có cơ sở chấp nhận đối với số tiền lãi 1.215.950 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật. Bà X là người trên 60 tuổi nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, 147, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng vào khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 Bộ luật dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X. Bà Nguyễn Thị Thùy T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị X số tiền gốc 63.500.000 đồng và tiền lãi 3.527.500 đồng. Tổng cộng, bà Nguyễn Thị Thùy T phải trả cho bà Nguyễn Thị X

số tiền 67.027.500 (Sáu mươi bảy triệu, không trăm hai mươi bảy nghìn, năm trăm) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị X về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy T trả số tiền lãi 1.215.950 đồng.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 3.351.375 đồng án phí

- Bà Nguyễn Thị X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Mỹ Trúc